

15/25

Chất lượng kinh
doanh

16/25

Định giá

11/25

Kỹ thuật

17/25

Rủi ro

59/100

Phân loại	B	Độ tin cậy	Trung bình – cao	Giá hiện tại	23.400 VND
Vốn hóa	181.237 tỷ	Ngành	Banks	GTGD TB 1T	338,3 tỷ/phần
Kỳ số liệu	2026Q2	Trạng thái	Du Lieu Moi Nhat	Ngày quét	2026-08-03

Doanh nghiệp tốt, giá hợp lý (chưa rõ) — mã đầu tiên trong 14 báo cáo đạt loại B

1. Kết luận của Chủ tịch Ủy ban

Bản cập nhật sau khi BCTC quý 2/2026 được nộp: LNST tăng tốc từ +15,4% lên +40,7% so với cùng kỳ, BVPS lên 18.314,8đ và ROE 20,69% — nhưng nợ xấu tuyệt đối đã tăng 26,9% từ cuối 2025 và LDR quy định 89,31% vượt ngưỡng tham chiếu 85%.

- Đây là bản cập nhật, không phải báo cáo mới. Báo cáo 31/07/2026 chấm 48/100 trên số liệu TTM đến hết Q1/2026 vì VCI chưa nạp quý 2. Nay quý 2 đã có: ROE 20,07% → 20,69%, BVPS 17.604 → 18.314,8đ (+4,04% một quý).
- Lợi nhuận tăng tốc rõ: LNST so với cùng kỳ +15,40% (Q1/2026) → +40,65% (Q2/2026). LNTT cùng nhịp +40,74%.
- Chất lượng tín dụng đi hai chiều — phải đọc cả hai. Tốt lên: nợ nhóm 2 từ 1,0564% xuống 0,9767%, hình thành nợ xấu từ 0,1742% xuống 0,1575%, CASA từ 32,99% lên 34,43%. Xấu đi: nợ xấu tuyệt đối 14.027,5 → 17.797,2 tỷ (+26,9% từ cuối 2025) và CIR từ 24,94% lên 27,54%.
- LDR quy định 89,31% là con số đáng lo nhất: tăng liên tục ba quý (84,44% → 86,78% → 89,31%) và đã vượt ngưỡng tham chiếu 85% của Thông tư 22. Nguồn liên ngân hàng chiếm 16,48% nguồn vốn.
- Giá đã chạy 3,78% trong phiên 03/08 lên 23.350đ nhưng vẫn thấp hơn Base 28.000đ 19,9% và thấp hơn trung vị 9 báo cáo CTCK (32.900đ) 29,0%.

2. Định giá - Bear / Base / Bull

Kịch bản	Giá mục tiêu (VNĐ)	So với giá hiện tại	Giả định chính
Bear	19.500	-16,7%	ROE về 16,0%, COE 15,5% (phần bù 10,96 điểm % nếu áp lực thanh khoản buộc tăng huy động liên ngân hàng), g 5% → P/B 1,048 → 19.187đ. Kịch bản: nợ xấu tiếp tục tăng trên 20%/hai quý buộc trích lập mạnh, LDR bị siết về dưới 85% làm chậm tăng trưởng tín dụng, CIR vượt 30%.
Base	28.000	+19,7%	ROE bền vững 19,0% (chiết khấu 1,69 điểm % so với mức báo cáo 20,69% để phản ánh nợ xấu tăng 26,9% và CIR giảm từ 24,94% lên 27,54%), COE 14,5%, g 6% → P/B 1,529 × BVPS 18.314,8đ = 28.011đ. Giả định trung tâm: MBB giữ nhịp LNST tăng trên 25% cả năm 2026 và LDR không bị siết về dưới 85% trong 12 tháng tới.
Bull	36.000	+53,8%	ROE giữ 21,0% (mức hiện tại), COE 13,5%, g 7% → P/B 2,154 = 39.447đ; chủ động hạ về 36.000đ để không vượt mức cao nhất mà 9 công ty chứng khoán đưa ra (KAFI 35.500đ ngày 14/05/2026). Giả định: gói phát hành 26% công bố 20/04/2026 được thực hiện ở giá cao hơn BVPS và CASA quay lại mức 37,6% của cuối 2025.

Phương pháp: $P/B \text{ mục tiêu} = (ROE - g) \div (COE - g) \times BVPS \text{ hiện hành}$ — chuẩn cho ngân hàng, không dùng DCF. Lưu ý phương pháp: bản này khác báo cáo 31/07. Báo cáo cũ dùng dạng rút gọn $P/B = ROE \div COE$ (tức

ngầm giả định $g = 0$), cho Base 25.600đ. Bản này dùng đúng công thức Gordon của SKILL v4.0 với $g = 6\%$; riêng thay đổi công thức đã nâng Base khoảng 3.400đ, phần còn lại đến từ số liệu quý 2 mới.

Kỳ số liệu: 2026Q2 — đã kiểm chứng là số THẬT, không phải bản sao Q1: ROE 0,2069 vs 0,2007 · CIR 0,2754 vs 0,2494 · BVPS 18.314,8 vs 17.604,0.

BVPS 18.314,8đ lấy trực tiếp từ Finhay (vốn chủ 147.525,4 tỷ ÷ 8.054.999.909 CP). Báo cáo cũ suy ra từ giá ÷ pb được 17.825đ, thấp hơn 2,75% — đúng loại sai số mà bấy dữ liệu đã cảnh báo.

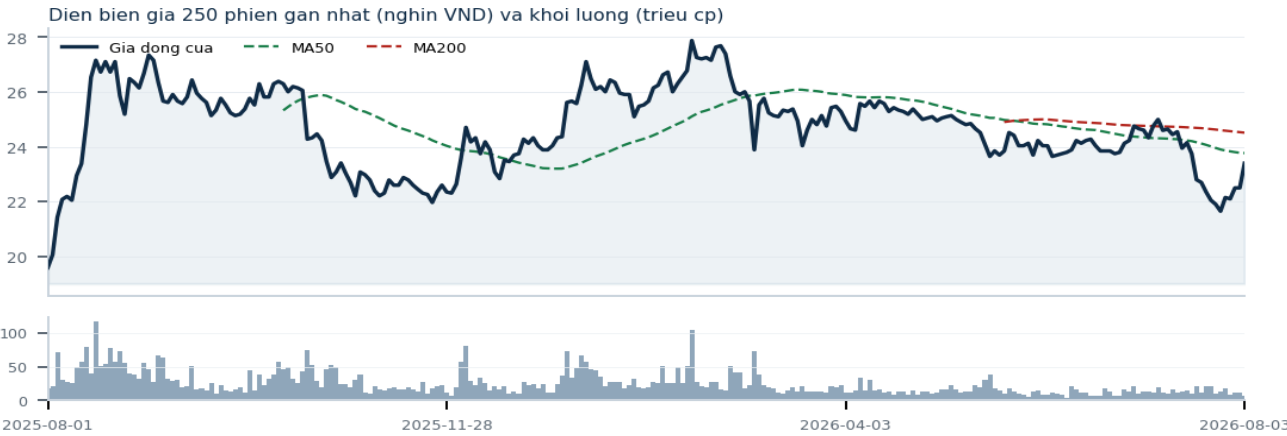
COE = TPCP 10 năm 4,54% + phần bù vốn cổ phần 9,96 điểm % = 14,5%, chọn cận trên của dải 8,5-10,5% vì LDR quy định 89,31% vượt ngưỡng tham chiếu, nguồn liên ngân hàng 16,48% và vốn chủ chỉ chiếm 9,05% nguồn vốn.

ROE dùng cho Base là 19,0%, không phải 20,69% — chiết khấu vì nợ xấu tuyệt đối tăng 26,9% trong hai quý và CIR đang giãn ra.

Biên an toàn (Base vs giá hiện tại): 19,9%

Biên độ định giá lịch sử theo quý (nguồn VCI)

Chỉ số	Hiện tại	Min	P25	Trung vị	P75	Max	Percentile
PE	6,36	4,71	5,91	6,98	8,88	12,18	42%
PB	1,43	0,94	1,2	1,38	1,56	2,19	61%



3. Số liệu tài chính cốt lõi

Chỉ tiêu	2022	2023	2024	2025	Xu hướng
BVPS (đồng)	—	—	—	16.676 (Q4)	Q1/26 17.604 → Q2/26 18.315 (+4,04%)
Vốn chủ sở hữu (tỷ)	—	—	—	134.325	Q1/26 141.801 → Q2/26 147.525
ROE (%)	25,55	—	—	—	Q1/26 20,07 → Q2/26 20,69
LNST so cùng kỳ (%)	—	—	—	Q4: +39,51	Q1/26 +15,40 → Q2/26 +40,65
NIM (%)	5,72	—	—	—	Q1/26 3,87 → Q2/26 3,90
CIR (%)	—	—	—	31,90 (Q4)	Q1/26 24,94 → Q2/26 27,54
Nợ xấu tuyệt đối (tỷ)	—	—	—	14.027	Q1/26 15.948 → Q2/26 17.797 (+26,9%)

Chỉ tiêu	2022	2023	2024	2025	Xu hướng
Nợ nhóm 2 (%)	—	—	—	0,9419	Q1/26 1,0564 → Q2/26 0,9767
Dự phòng / cho vay (%)	—	—	—	1,2131	Q1/26 1,3128 → Q2/26 1,3574
LDR quy định (%)	—	—	—	84,44	Q1/26 86,78 → Q2/26 89,31
CASA (%)	—	—	—	37,62	Q1/26 32,99 → Q2/26 34,43
Cơ cấu nguồn: TG khách / GTCG / liên NH (%)	—	—	—	57,02 / 11,59 / 15,35	Q2/26 55,62 / 13,47 / 16,48

4. So sánh trong ngành

Mã	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA	NIM	NPL	CIR
MBB *	181.237	6,026	1,214	0,207	0,019	0,039	0,014	-0,275
VCB	501.987	11,897	1,995	0,179	0,017	0,027	0,006	-0,32
BID	281.476	8,355	1,433	0,177	0,01	0,021	0,018	-0,317
CTG	243.162	5,955	1,202	0,218	0,014	0,027	0,012	-0,241
TCB	207.862	7,56	1,145	0,148	0,023	0,036	0,011	-0,309
VPB	199.408	6,599	1,103	0,166	0,022	0,052	0,033	-0,196
LPB	158.912	13,703	3,596	0,247	0,019	0,029	0,019	-0,352

Lưu ý: các tỷ lệ từ VCI ở dạng thập phân (0.16 = 16%). Dấu âm của CIR là quy ước dấu của nguồn dữ liệu.

5. Đánh giá theo 4 cửa

Cửa 1 - Chất lượng kinh doanh	15/25
■ Lợi nhuận tăng tốc rõ rệt trong quý 2: LNST so cùng kỳ +40,65% (Q1 chỉ +15,40%), LNTT +40,74%. Vốn chủ 141.801 → 147.525 tỷ chỉ trong một quý, BVPS +4,04%. ■ ROE 20,69% và đang tăng (Q1 20,07%) — hiếm trong bối cảnh ngành. NIM 3,90% cũng nhích nhẹ từ 3,87%. Tỷ trọng thu nhập lãi thuần 82,67%, giảm từ 85,56% — cơ cấu thu nhập đa dạng hơn một chút. ■ Nhưng CIR giãn ra: 24,94% (Q1) → 27,54% (Q2). Mức này vẫn tốt so với ngành nhưng xu hướng ngược chiều với lợi nhuận, cần theo dõi hai quý tới. ■ Chất lượng tài sản là điểm trừ nặng nhất — chấm 1/4: nợ xấu tuyệt đối từ 14.027,5 tỷ (cuối 2025) lên 17.797,2 tỷ, tăng 26,9% trong hai quý. Dự phòng/cho vay tăng theo từ 1,2131% lên 1,3574% nhưng chậm hơn tốc độ hình thành nợ xấu. ■ Pha loãng vẫn là vấn đề chưa được định lượng: gói phát hành 26% công bố 20/04/2026 chưa nằm trong bất kỳ con số nào của báo cáo này. Ở BVPS 18.314,8đ, phát hành dưới giá sổ sách sẽ làm loãng trực tiếp.	

Cửa 2 - Định giá**16/25**

- P/B 1,275 tại giá 23.350đ trên BVPS Finhay 18.314,8đ. So với trung bình ngành ngân hàng 1,519 (Finhay), MBB rẻ hơn 16,1% trong khi ROE 20,69% cao hơn mặt bằng.
- P/E 6,24 và tỷ suất cổ tức 3,95% — cả hai đều thuộc nhóm hấp dẫn nhất trong các ngân hàng niêm yết. P/E ngành 11,38.
- Định giá nội tại 28.011đ với ROE chiết khấu về 19,0%, COE 14,5% (TPCP 4,54% + phần bù 9,96 điểm %, chọn cận trên vì LDR 89,31% và nguồn liên ngân hàng 16,48%), g 6%.
- Biên an toàn +19,9% — mức cao nhất trong 14 báo cáo đã làm. Giá đã chạy 3,78% trong phiên 03/08 nên biên an toàn đã hẹp lại từ mức tương ứng 24,4% ở giá 22.500đ.
- Base thấp hơn consensus 14,9% và nằm đúng bằng cận dưới của dải CTCK (28.000–35.500đ, 9 báo cáo trong 90 ngày, trung vị 32.900đ). Khoảng cách nằm ở COE và ở mức chiết khấu ROE.

Cửa 3 - Kỹ thuật & dòng tiền**11/25**

- Vẫn Stage 4 nhưng đã cải thiện rõ so với 31/07: giá 23.350 nay trên MA20 23.296 (+0,23%) và trên MA10 22.325, chỉ còn dưới MA50 23.772 (–1,77%), MA150 24.895 và MA200 24.516 (–4,76%). Báo cáo cũ ghi giá dưới cả bốn đường.
- Sức mạnh tương đối đảo chiều — thay đổi lớn nhất: báo cáo 31/07 ghi thua VNINDEX cả bốn khung; nay dương ba trên bốn: 1 tháng +0,73 · 3 tháng +0,51 · 6 tháng –4,13 · 1 năm +1,19 điểm %.
- Động lượng vừa cất lên: MACD histogram từ –0,2943 (5 phiên trước) lên +0,008. RSI14 51,5. Vị trí biên 52 tuần từ 35,1% lên 45,4% (đáy 19.590 – đỉnh 27.880).
- Nhưng khối lượng KHÔNG xác nhận: phiên tăng 3,78% chỉ đi kèm 0,47x TB20. Trong 25 phiên gần nhất có 2 phiên tích lũy so với 4 phiên phân phối. Đây là lý do Cửa 3 không được chấm cao hơn.
- Tường cung vẫn dày: dải 24.306–27.204 hấp thụ 35,5% khối lượng 260 phiên; kháng cự đầu tiên 24.505 (pivot, test 4 lần) cách 4,95%. Thị trường vẫn xấu (–3/8): VNINDEX 1.753,12 dưới MA50 2,99% và dưới MA200 1,1%, 8 ngày phân phối trong 25 phiên.

Cửa 4 - Rủi ro**17/25**

- LDR quy định 89,31% là rủi ro cấu trúc số một: tăng ba quý liên tiếp (84,44% → 86,78% → 89,31%) và vượt ngưỡng tham chiếu 85% của Thông tư 22. LDR thô 1,286. Nguồn liên ngân hàng chiếm 16,48% và vốn chủ chỉ 9,05% nguồn vốn.
- Đệm bảo vệ ở mức trung bình: dự phòng/cho vay 1,3574% (tăng từ 1,2131% cuối 2025), CASA 34,43% hồi lại từ 32,99% nhưng vẫn dưới mức 37,62% của cuối 2025, CIR 27,54%. Lãi phí phải thu/tổng tài sản 0,961% — giảm nhẹ từ 0,998%, dấu hiệu tốt.
- Risk/Reward là điểm mạnh nhất — chấm 5/5: Bull 36.000đ (+54,2%) so với Bear 19.500đ (–16,5%) cho tỷ lệ 3,29:1. Đây là mã duy nhất trong 14 báo cáo đạt ngưỡng 3:1.
- Radar SẠCH — không phát hiện cờ nào trong 30 ngày, không trừ điểm. Không có giao dịch nội bộ hay tổ chức nào đăng ký bán.
- Độ tin cậy dữ liệu tối đa 3/3: BCTC quý 2/2026 đã được nạp và kiểm chứng là số thật, có Finhay công bố BVPS trực tiếp, có 9 báo cáo CTCK trong 90 ngày để đối chiếu. Đây là bộ dữ liệu đầy đủ nhất trong 14 báo cáo.

6. Luận điểm hai chiều

LUẬN ĐIỂM TĂNG (BULL)

- LNST tăng tốc từ +15,4% lên +40,7% so với cùng kỳ chỉ trong một quý.
- ROE 20,69% và đang tăng, trong khi P/B chỉ 1,275 — thấp hơn trung bình ngành 16,1%.
- Nợ nhóm 2 giảm từ 1,0564% xuống 0,9767% và hình thành nợ xấu giảm — đầu vào của nợ xấu đang cải thiện.
- CASA hồi từ 32,99% lên 34,43%, kéo chi phí vốn xuống và giúp NIM nhích lên 3,90%.
- Risk/Reward 3,29:1 — mã duy nhất trong 14 báo cáo đạt ngưỡng 3:1.
- Sức mạnh tương đối đảo chiều: dương ở 3 trên 4 khung, kể cả khung 1 năm (+1,19 điểm %).
- Chín báo cáo CTCK trong 90 ngày đều khuyến nghị MUA hoặc KHẢ QUAN, trung vị 32.900đ.

LUẬN ĐIỂM GIẢM (BEAR / phản biện)

- Nợ xấu tuyệt đối tăng 26,9% trong hai quý, từ 14.027,5 lên 17.797,2 tỷ.
- LDR quy định 89,31% vượt ngưỡng tham chiếu 85% và đã tăng ba quý liên tiếp.
- CIR giãn từ 24,94% lên 27,54% ngay trong quý lợi nhuận tăng mạnh nhất.
- Gói phát hành 26% công bố 20/04/2026 chưa nằm trong bất kỳ con số nào của báo cáo.
- Vốn chủ chỉ chiếm 9,05% nguồn vốn và nguồn liên ngân hàng đã lên 16,48%.
- Phiên tăng 3,78% ngày 03/08 chỉ có khối lượng 0,47x TB20 — không có xác nhận.
- Vẫn Stage 4: dưới MA50, MA150 và MA200; tường cung 24.306–27.204 hấp thụ 35,5% khối lượng.

7. Rủi ro chính & giả định then chốt

Rủi ro	Mức độ	Tác động nếu xảy ra
Nợ xấu tuyệt đối tăng 26,9% trong hai quý	Cao	Nếu nhịp này tiếp tục thêm hai quý, nợ xấu lên khoảng 22.600 tỷ; để giữ tỷ lệ dự phòng hiện tại cần trích thêm khoảng 3.400 tỷ = 15,8% LNTT năm 2025
LDR quy định 89,31% vượt ngưỡng tham chiếu 85%	Cao	Đưa về 85% đòi hỏi giảm dư nợ hoặc tăng huy động khoảng 5% tổng tiền gửi; ở nguồn liên ngân hàng 16,48% chi phí vốn sẽ tăng và NIM 3,90% bị nén
Gói phát hành 26% chưa được định lượng	Cao	Phát hành 26% ở giá bằng BVPS 18.314,8đ làm BVPS mới về khoảng 18.315đ (trung tính); phát hành dưới BVPS 20% kéo BVPS về khoảng 17.550đ (–4,2%) và Base về 26.840đ
CIR giãn từ 24,94% lên 27,54%	Trung bình	Mỗi 1 điểm % CIR tăng lấy đi khoảng 1,0% lợi nhuận trước dự phòng; nếu CIR về mức 31,90% của Q4/2025 thì mất khoảng 4,4%
Khối lượng không xác nhận nhịp hồi	Trung bình	Phiên tăng 3,78% chỉ 0,47x TB20; 4 phiên phân phối so với 2 phiên tích lũy trong 25 phiên. Mất mốc 23.080 thì vùng đỡ tiếp theo là 22.015 (–5,7%)

Giả định then chốt của luận điểm (nếu sai → luận điểm sụp đổ)

- ROE bền vững 19,0% (Base) — chiết khấu 1,69 điểm % so với mức báo cáo 20,69%. Nếu giữ nguyên 20,69% thì Base là 31.640đ; nếu về 16% thì Base là 19.187đ.
- COE 14,5% = TPCP 10 năm 4,54% + phần bù 9,96 điểm %, chọn cận trên vì LDR vượt ngưỡng và nguồn liên ngân hàng 16,48%. Mỗi 1 điểm % COE làm giá Base đổi khoảng 3.900đ.
- g = 6%/năm. Đây là giả định nhạy nhất: với g = 5% Base về 25.160đ, với g = 7% Base lên 32.070đ.
- LDR không bị siết về dưới 85% trong 12 tháng tới. Nếu bị siết, tăng trưởng tín dụng chậm lại và ROE khó giữ trên 19%.
- Gói phát hành 26% (công bố 20/04/2026) thực hiện ở giá không thấp hơn BVPS 18.314,8đ.

Điểm phá vỡ luận điểm (invalidation)

- Nợ xấu tuyệt đối ngừng tăng hoặc giảm trong hai quý liên tiếp → luận điểm Bear yếu đi rõ, Base lên 31.600đ.
- LDR quy định về dưới 85% mà tăng trưởng tín dụng vẫn trên 15% → rủi ro cấu trúc số một được gỡ, COE hạ về 13,5%.
- Công bố giá phát hành gói 26% ở mức cao hơn BVPS → pha loãng thành tăng vốn có lợi cho cổ đông.
- CIR quay về dưới 25% trong hai quý → mức 27,54% chỉ là chi phí một lần, không phải xu hướng.
- Giá lấy lại MA50 (23.772) với khối lượng $\geq 1,5x$ TB20 ($\geq 20,6$ triệu CP) → thoát Stage 4, Cửa 3 tăng ít nhất 5 điểm.

8. Bảng điều kiện hành động

Điều kiện cần thỏa trước khi giải ngân

- ☐ ☐ Cung cấp 4 dữ kiện còn thiếu: khung thời gian nắm giữ, mức lỗ tối đa chấp nhận, danh mục hiện tại, tỷ lệ tiền mặt
- ☐ ☐ Có giá phát hành cụ thể của gói 26% công bố 20/04/2026 — biến số chưa định lượng được
- ☐ ☐ Giá giữ trên MA20 (23.296) tối thiểu 3 phiên — hiện chỉ mới trên 0,23% sau một phiên
- ☐ ☐ Một phiên tăng có khối lượng $\geq 1,2 \times \text{TB20}$ ($\geq 16,5$ triệu CP) — phiên 03/08 chỉ 0,47x
- ☐ ☐ VNINDEX lấy lại MA200 (1.772,69) — hiện còn dưới 1,1%

Điều kiện gia tăng tỷ trọng

- ☐ ☐ Lấy lại MA50 (23.772) và giữ 5 phiên → thoát Stage 4
- ☐ ☐ Nợ xấu tuyệt đối quý 3 không vượt 18.500 tỷ
- ☐ ☐ LDR quy định về dưới 87%
- ☐ ☐ CIR quý 3 về dưới 26%
- ☐ ☐ Số ngày phân phối VNINDEX trong 25 phiên giảm về dưới 5 — hiện 8

Điều kiện giảm tỷ trọng / thoát

- ☐ ☐ Nợ xấu tuyệt đối vượt 20.000 tỷ (tăng thêm 12,4% từ mức hiện tại)
- ☐ ☐ LDR quy định vượt 92% hoặc nguồn liên ngân hàng vượt 20% nguồn vốn
- ☐ ☐ CIR vượt 32% — cao hơn cả mức 31,90% của quý 4/2025
- ☐ ☐ Công bố giá phát hành gói 26% thấp hơn BVPS 18.314,8đ trên 15%
- ☐ ☐ Mất mốc 22.015 (pivot, test 2 lần) với khối lượng $\geq 1,5 \times \text{TB20}$

Điều kiện HỦY luận điểm (cắt lỗ vô điều kiện)

- ☐ ☐ ROE quý xuống dưới 16% — P/B hợp lý rơi về 1,048, giá 19.187đ
- ☐ ☐ NHNN siết LDR về 80% hoặc thay đổi cách tính bất lợi cho MBB
- ☐ ☐ Hình thành nợ xấu vượt 0,3%/quý — gấp đôi mức hiện tại 0,1575%
- ☐ ☐ CASA rơi xuống dưới 30% — chi phí vốn tăng, NIM 3,90% không giữ được
- ☐ ☐ Mất đáy 52 tuần 19.590 với khối lượng lớn

9. Quản lý vị thế

Tỷ trọng tối đa đề xuất KHÔNG THỂ XÁC ĐỊNH - thiếu 4 dữ kiện nhà đầu tư (khung thời gian, mức lỗ chấp nhận, danh mục, tỷ lệ tiền mặt)

Tỷ trọng và điểm cắt lỗ là KHUNG THAM CHIẾU, phải điều chỉnh theo quy mô, mức chịu lỗ và danh mục thực tế của nhà đầu tư.

10. Catalyst theo mốc thời gian

Mốc	Sự kiện / động lực	Tác động kỳ vọng
0-1 tháng	Chi tiết gói phát hành 26% công bố 20/04/2026 — giá phát hành và đối tượng	Là biến số duy nhất có thể thay đổi BVPS 18.314,8đ một cách vật chất; phát hành dưới BVPS 20% kéo Base từ 28.000đ về 26.840đ
1-3 tháng	BCTC quý 3/2026 (hạn 20/10) — kiểm chứng nợ xấu tuyệt đối có ngừng tăng ở mức 17.797 tỷ không	Ngừng tăng → luận điểm Bear yếu đi, Base lên 31.600đ. Vượt 20.000 tỷ → phải trích thêm khoảng 3.000 tỷ
1-3 tháng	Diễn biến LDR quy định — đã tăng ba quý liên tiếp lên 89,31%	Đây là ràng buộc trực tiếp lên tốc độ tăng trưởng tín dụng; nếu phải hạ về 85%, ROE khó giữ trên 19%

Mốc	Sự kiện / động lực	Tác động kỳ vọng
Liên tục	Bối cảnh thị trường: VNINDEX 1.753,12 dưới MA50 2,99% và MA200 1,1%, 8 ngày phân phối trong 25 phiên, chỉ 33,3% mã VN30 trên MA50	Cửa 3 chỉ được 11/25 chủ yếu vì bối cảnh; VNINDEX lấy lại MA200 sẽ nâng điểm kỹ thuật ít nhất 3 điểm

10b. Đối chiếu với consensus công ty chứng khoán

9 báo cáo · thấp nhất 28.000 · trung vị 32.900 · cao nhất 35.500

Base của Ủy ban nằm trong dải khuyến nghị của thị trường.

Nguồn	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Ngày	So với giá HT
KAFI	MUA	35.500	2026-05-14	+57.8%
VPX	MUA	34.200	2026-06-17	+52.0%
DSC	MUA	33.300	2026-06-15	+48.0%
MAS	MUA	33.300	2026-06-04	+48.0%
BSC	MUA	32.900	2026-06-24	+46.2%
KBSV	MUA	31.400	2026-06-15	+39.6%
VDS	MUA	30.900	2026-06-30	+37.3%
NHSV	MUA	30.380	2026-05-25	+35.0%
?	MUA	28.000	2026-07-06	+24.4%

Nguồn: Finhay. Đây là DỮ LIỆU THAM KHẢO, không phải kết luận.

10c. Chất lượng tín dụng & cơ cấu nguồn vốn

Các chỉ tiêu dưới đây lấy từ Finhay — nguồn vnstock không có. Nợ nhóm 2 và lãi/phí phải thu là hai chỉ báo nợ xấu ẩn quan trọng nhất khi đọc ngân hàng.

Chỉ tiêu	2026Q2	2026Q1	2025Q4	
Nợ nhóm 2 (%)	0,977	1,056	0,942	
Hình thành nợ xấu mới (%)	0,158	0,174	-0,337	
Lãi+phí phải thu / TTS (%)	0,961	0,998	0,839	0,861
Dự phòng / cho vay (%)	1,357	1,313	1,213	1,481
LDR quy định (trần 0,85)	0,8931	0,8678	0,8444	0,8863
LDR thô	1,2863	1,2474	1,1875	1,1942
CASA (%)	34,433	32,985	37,624	
Tiền gửi KH / nguồn vốn (%)	55,615	56,225	57,024	
Giấy tờ có giá / nguồn vốn (%)	13,474	12,96	11,588	
Vốn liên NH / nguồn vốn (%)	16,48	15,944	15,35	

Bao phủ nợ xấu 93,6% · Nợ xấu tuyệt đối 17.797,2 tỷ

11. Dữ liệu thiếu & giới hạn của báo cáo

- Tỷ lệ bao phủ nợ xấu — Finhay trả dự phòng/cho vay (1,3574%) và nợ xấu tuyệt đối (17.797,2 tỷ) nhưng không trả tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ, nên không tính chính xác được bao phủ.
- Giá và đối tượng của gói phát hành 26% công bố 20/04/2026 — biến số lớn nhất chưa định lượng được.
- CAR (hệ số an toàn vốn) — không có trong dữ liệu Finhay lẫn vnstock cho kỳ 2026Q2.
- Cách tính LDR của Finhay có thể khác chuẩn Thông tư 22 của NHNN; con số 89,31% cần đối chiếu với báo cáo chính thức trước khi kết luận là vượt trần.
- 4 dữ kiện nhà đầu tư: khung thời gian nắm giữ, mức lỗ tối đa chấp nhận, danh mục hiện tại, tỷ lệ tiền mặt.

- Dữ liệu giao dịch nội bộ chi tiết (API lỗi) – đã dùng mục Sự kiện thay thế.

Báo cáo này đánh giá ĐIỀU KIỆN đầu tư, không đưa ra khuyến nghị MUA hay BÁN. Số liệu được lấy từ vnstock (nguồn KBS/VCI) tại ngày ghi trên báo cáo và có thể khác với báo cáo tài chính kiểm toán đầy đủ. Các mức định giá là kết quả của giả định được nêu rõ trong báo cáo – nếu giả định sai, kết quả sai. Nhà đầu tư phải tự kiểm chứng số liệu gốc và tự chịu trách nhiệm với quyết định của mình.